

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST-BX

Ngày: 17/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
Về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Cở và ông Vũ Minh Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST- HNGĐ ngày 18/6/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST- HNGĐ-BX ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ-BX ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vừ Thị S - Sinh năm 1998.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai)

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng Văn K - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai)

Vắng mặt, lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2025, bản tự khai ngày 18/6/2025, bản tự khai bổ sung ngày 04/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Vừ Thị S trình bày: Chị và anh Giàng Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do giữa hai anh chị có nhiều khác biệt về tính cách, quan điểm trong cuộc sống, anh K không chịu làm

ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã tham gia khuyên nhủ để vợ chồng bảo ban nhau, cùng nhau khắc phục mâu thuẫn và gia đình hai bên cũng tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh K không thay đổi, vẫn không quan tâm đến gia đình. Xuất phát từ đó cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị luôn căng thẳng mệt mỏi. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên tháng 6/2025 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn C, xã B, tỉnh Lào Cai) sinh sống và anh chị đã tự sống ly thân nhau từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng Văn K.

Về con chung: Chị Vừ Thị S xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Giàng Văn N, sinh ngày 18/4/2020, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, chị để cháu N ở cùng anh K, đến đầu tháng 7/2025 chị đón cháu N về ở cùng chị và ông bà ngoại, tuy nhiên kể từ khi chị đón cháu về nhà ông bà ngoại, anh K không quan tâm, thăm nom cháu. Chị thấy nếu để cháu về ở với anh K thì anh cũng không chăm lo, chăm sóc cháu được. Vì vậy khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Giàng Văn N, chị không yêu cầu anh Giàng Văn K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vừ Thị S xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Giàng Văn K, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Giàng Văn K không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì chị Vừ Thị S có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vừ Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vừ Thị S ly hôn anh Giàng Văn K.

Về con chung: Xử giao cháu Giàng Văn N, sinh ngày 18/4/2020 cho chị Vừ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Giàng Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vừ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án khu vực 7 - Lào Cai) giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Giàng Văn K, sinh năm 1995 địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai (trước sáp nhập là Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Nguyên đơn chị Vừ Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Vừ Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Giàng Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Giàng Văn K và chị Vừ Thị S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Vừ Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng Văn K.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị S và anh Giàng Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2025 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên tòa chị Vừ Thị S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Giàng Văn K. Đối với anh Giàng Văn K vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của

pháp luật, nhưng anh K không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Vừi Thị S và anh Giàng Văn K đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau, việc chị Vừi Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Giàng Văn K là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vừi Thị S ly hôn anh Giàng Văn K.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Vừi Thị S và anh Giàng Văn K có một người con chung là cháu Giàng Văn N, sinh ngày 18/4/2020, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị Vừi Thị S. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Vừi Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giàng Văn N và không yêu cầu anh Giàng Văn K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy tại các biên bản xác minh ngày 30/7/2025 thể hiện khi vợ chồng mâu thuẫn không thể khắc phục được, thì chị Vừi Thị S về nhà bố mẹ đẻ ở, khi đó cháu N ở cùng ông bà nội, anh K không quan tâm chăm sóc cháu, khi chị Vừi Thị S đón cháu N về ở cùng chị anh K cũng không quan tâm, thăm hỏi cháu. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án chị Vừi Thị S đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh hiện chị đang là nhân viên phục vụ tại quán ăn mức thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Anh Giàng Văn K không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Giàng Văn N, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Giàng Văn N cho chị Vừi Thị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Vừi Thị S không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vừi Thị S xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vừi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vừ Thị S ly hôn anh Giàng Văn K. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Giàng Văn N, sinh ngày 18/4/2020 cho chị Vừ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Giàng Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Giàng Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vừ Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Lào Cai) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000004971278 ngày 18/6/2025 và biên lai số 0002959 ngày 19/6/2025. Chị Vừ Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7 - Lào Cai (02);
- Đương sự (2)
- UBND xã B, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THA DS khu vực 7 – Lào Cai;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

